

Số:111 /QĐ-BQL

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý III năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh về việc trích ngân sách tỉnh năm 2025 phân bổ kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 993/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh về việc trích ngân sách tỉnh năm 2025 phân bổ kinh phí cho một số đơn vị, địa phương để thực hiện chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 994/QĐ-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương cho một số đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ;

Căn cứ Thông báo số 1654/STC-HCSN ngày 14/8/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên thông báo dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 2373/STC-HCSN ngày 29/8/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 2493/STC-HCSN ngày 30/8/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 2569/STC-HCSN ngày 04/9/2025 của Sở Tài chính Thái Nguyên bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Ban.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN Quý III năm 2025 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên. Niêm yết công khai tại Website của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên trong vòng 30 ngày kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài chính;
- Website của BQL các KCN tỉnh TN;
- Lưu: VT, VP.

NPT

th

Q. TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thế Hoàn

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của
Bộ Tài chính



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 111 /QĐ-BQL ngày 16 /10/2025 của Ban Quản lý các KCN
tỉnh Thái Nguyên)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý III	Ước thực hiện dự toán năm	Ước thực hiện dự toán quý so với cùng kỳ trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	253.000.000	55.822.883		
1.1	Lệ phí	3.000.000	600.000		
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	3.000.000	600.000		
1.2	Phí	250.000.000	55.222.883		
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	250.000.000	55.222.883		
2	Nguồn thu phí được để lại	125.000.000	27.611.442		
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	128.000.000	28.211.442		
3.1	Lệ phí	3.000.000	600.000		
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	3.000.000	600.000		
3.2	Phí	125.000.000	27.611.442		
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	125.000.000	27.611.442		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	14.984.352.500	3.171.125.494		
1	Chi quản lý hành chính	9.644.352.500	2.695.074.767		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.330.000.000	2.227.685.232		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.314.352.500	467.389.535		
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện Quý III	Ước thực hiện dự toán năm	Ước thực hiện dự toán quý so với cùng kỳ trước
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	5.340.000.000	476.050.727		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.340.000.000	476.050.727		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi Chương trình mục tiêu				